TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 200/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023.
V/v: *"Không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Trí Dũng và bà Tào Thị Bích Thuỷ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc *"Không công nhận vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1968
2. Bị đơn: Ông **Đoàn C**, sinh năm 1965
Cùng trú tại: thôn S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Nguyễn Thị Mỹ D (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn C tự nguyện đi đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1987 đến nay mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên dùng bạo lực đánh đập bà D gây ra thương tích, bà D chịu đựng chung sống vợ chồng mong ông C thay đổi cách sống nhưng ông C vẫn dùng bạo lực đánh đập bà D và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D xét thấy không còn thương yêu, tin tưởng nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn C.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 31 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ của ông Đoàn C (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Đoàn C và bà Nguyễn Thị Mỹ D đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào tháng 10 năm 1987 (hiện giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc). Trong quá trình chung sống vợ chồng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả 02 bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến lời qua tiếng lại. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông Đoàn C xét thấy mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Bà D khai vợ chồng có ba con chung tên Đoàn Ngọc Phương Th, sinh năm 1989; Đoàn Phương T, sinh năm 2002 và Đoàn Gia K, sinh ngày 22/11/2005.

Ly hôn, nguyện vọng của bà D xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con Đoàn Gia K và không yêu cầu ông C đóng góp nuôi con.

Ông C công nhận vợ chồng có ba con chung như bà D khai và thống nhất giao con Đoàn Gia K cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với các con Th và T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà D và ông C không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà D khai tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà kiên cố, xây dựng trên thửa đất số 1369, tờ bản đồ số 03 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ Đoàn C tại thôn S, xã Q, huyện Đại L; 04 cây vàng (loại vàng 96) do ông C quản lý cất giữ và tiền mặt 50.000.000 đồng (gửi tiết kiệm tại Ngân hàng A huyện Đ do bà D đứng tên). Bà D yêu cầu giải quyết tài sản chung theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bà D xin rút lại toàn bộ yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D và ông C cùng khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về quan điểm nội dung vụ án: Từ những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con Đoàn Gia K cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D không yêu cầu đóng góp nuôi con nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Bà D xin rút lại toàn bộ yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét.
- Về quan hệ nợ chung: Bà D và ông C cùng khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1987 đến nay mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn C là vợ chồng phù hợp với điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà D có nguyện vọng nuôi con Đoàn Gia K, sinh ngày 22/11/2005 và cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đoàn Gia K là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Đối với các con chung Đoàn Ngọc Phương Th và Đoàn Phương T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà D và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Việc bà D xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà D và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin chia tài sản chung của bà D và ông C. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con Đoàn Gia K, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2005 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Khánh đủ 18 tuổi.

Bà D không yêu cầu ông C đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin chia tài sản chung của bà D và ông C. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0004231 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà D đã nộp đủ.

Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung khi ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp là 18.000.000 đồng *(Mười tám triệu đồng)* theo biên lai thu số 0004231 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ hoàn trả lại cho bà D.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái